|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **QUẢNG NAM**  ĐỀ CHÍNH THỨC    (*Đề gồm có 02 trang*) | **KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019**  **Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 9**  Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)     |  | | --- | | **MÃ ĐỀ B** | |

**A/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: *(5,0 điểm)***

***Chọn ý trả lời đúng nhất trong các câu sau và ghi vào giấy làm bài (Ví dụ: Nếu câu 1 chọn ý đúng nhất là ý A thì ghi ở giấy làm bài là 1- A, ...).***

**Câu 1.** Khí hậu của Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm nổi bật là

**A.** nhiệt đới ẩm gió mùa. **B.** nhiệt đới nóng khô.

**C.** cận xích đạo nóng ẩm quanh năm. **D.** cận xích đạo mưa quanh năm.

**Câu 2.** Để hạn chế tác hại của lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long, phương hướng chủ yếu hiện nay là

**A.** xây dựng hệ thống đê điều. **B.** chủ động sống chung với lũ.

**C.** đầu tư cho các dự án thoát lũ. **D.** tăng cường công tác dự báo lũ.

**Câu 3.** Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là

**A.** dầu khí, điện tử, công nghệ cao. **B.** chế biến thực phẩm, cơ khí.

**C.** dầu khí, phân bón, năng lượng. **D.** dệt may, da - giày, gốm sứ.

**Câu 4.** Trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** Mĩ Tho. **B.** Cà Mau.

**C.** Cần Thơ. **D.** Cao Lãnh.

**Câu 5.** Vùng nào sau đây có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất nước ta?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Nam Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 6.** Hồ thủy lợi lớn nhất nước ta hiện nay được xây dựng ở vùng Đông Nam Bộ là

**A.** Kẻ Gỗ. **B.** Trị An.

**C.** Ba Bể. **D.** Dầu Tiếng.

**Câu 7.** Vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

**A.** thu hút đầu tư. **B.** kĩ thuật canh tác.

**C.** phát triển thủy lợi. **D.** mở rộng thị trường.

**Câu 8.** Nguồn tài nguyên khoáng sản tại chỗ cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất xi măng ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** đá vôi. **B.** đá quý.

**C.** cát thủy tinh. **D.** sét, cao lanh.

**Câu 9.** Các mặt hàng nhập khẩu chủ lực của vùng Đông Nam Bộ là

**A.** dầu thô, máy móc thiết bị, nguyên liệu cho sản xuất.

**B.** máy móc thiết bị, nguyên liệu cho sản xuất, hàng may mặc.

**C.** máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng cao cấp, vật liệu xây dựng.

**D.** máy móc thiết bị, nguyên liệu cho sản xuất, hàng tiêu dùng cao cấp.

**Câu 10.** Đảo, quần đảo nào sau đây *thuộc* vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Nam Du. **B.** Côn Đảo.

**C.** Thổ Chu. **D.** Phú Quốc.

**Câu 11.** Tính từ đất liền ra, các bộ phận thuộc vùng biển nước ta lần lượt là

**A.** lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, đặc quyền kinh tế.

**B.** tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, đặc quyền kinh tế, nội thủy.

**C.** lãnh hải, nội thủy, đặc quyền kinh tế, tiếp giáp lãnh hải.

**D.** nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế.

**Câu 12.** Các bãi cát dọc bờ biển miền Trung nước ta có chứa loại khoáng sản nào sau đây?

**A.** Oxit titan. **B.** Bôxit.

**C.** Đồng. **D.** Sắt.

**Câu 13.** Hệ thống sông lớn nhất của tỉnh Quảng Nam là

**A.** A Vương. **B.** Tam Kỳ.

**C.** Thu Bồn. **D.** Trường Giang.

**Câu 14.** Quảng Nam hiện có bao nhiêu đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh?

**A.** 1 thành phố, 2 thị xã, 15 huyện. **B.** 2 thành phố, 1 thị xã, 14 huyện.

**C.** 1 thành phố, 2 thị xã, 14 huyện. **D.** 2 thành phố, 1 thị xã, 15 huyện. .

**Câu 15.** Loại khoáng sản nào sau đây có trữ lượng đáng kể ở Bồng Miêu (Quảng Nam)?

**A.** Thiếc. **B.** Vàng.

**C.** Đá vôi. **D.** Than đá.

**B/ TỰ LUẬN: *(5,0 điểm)***

**Câu 1.** *(3,0 điểm)*

a) Trình bày tiềm năng, thực trạng phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển ở nước ta.

b) Nêu các giải pháp để bảo vệ nguồn nước ngọt phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt ở vùng Đông Nam Bộ.

**Câu 2.** *(2,0 điểm)*

Cho bảng số liệu sau đây:

***Sản lượng thuỷ sản khai thác và thuỷ sản nuôi trồng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long***

(đơn vị: nghìn tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2010** | **2017** |
| Khai thác | 843,0 | 1012,6 | 1369,1 |
| Nuôi trồng | 1002,7 | 1986,6 | 2680,0 |
| Tổng sản lượng | 1845,7 | 2999,2 | 4049,1 |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê)*

Vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện sản lượng thuỷ sản khai thác và nuôi trồng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm. Nêu nhận xét.

----------------------------------- **HẾT** -----------------------------------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam-Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để làm bài*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **QUẢNG NAM** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019**  **Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 9**   |  | | --- | | MÃ ĐỀ: B | |

*(Hướng dẫn chấm này gồm 02 trang)*

**A/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: *(5,0 điểm)*** *Mỗi câu đúng: 0,33 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án đúng** | C | B | A | C | B | D | C | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **Đáp án đúng** | D | B | D | A | C | D | B |

**B/ TỰ LUẬN: *(5,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(3,0 điểm)** | **a) Trình bày tiềm năng, thực trạng phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển ở nước ta.** | |
| ***\* Tiềm năng:*** | |
| - Nước ta nằm gần nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng.  - Ven biển có nhiều vũng, vịnh có thể xây dựng cảng nước sâu; một số cửa sông thuận lợi cho việc xây dựng cảng.  🡪 tạo điều kiện phát triển giao thông đường biển giữa các địa phương ven biển với nhau và giữa nước ta với các nước khác.  *(Nếu HS nêu không đủ các ý trên nhưng có nêu được:* Nước ta có đường bờ biển dài 3260 km, vùng biển rộng.....*thì GV chấm 0,25đ nhưng tổng điểm của phần tiềm năng không quá 1,0đ).* | *0,25*  *0,5*  *0,25* |
| ***\* Thực trạng :*** | |
| - Hiện cả nước có 120 cảng biển lớn nhỏ. | *0,5* |
| - Đội tàu biển quốc gia được tăng cường mạnh mẽ. | *0,5* |
| **b) Các giải pháp để bảo vệ nguồn nước ngọt phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt ở vùng Đông Nam Bộ.** | |
| - Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn các dòng sông. | *0,25* |
| - Khai thác và sử dụng hợp lí nguồn nước ngầm. | *0,25* |
| - Xây dựng các hồ chứa nước. | *0,25* |
| - Phòng chống ô nhiễm nguồn nước. | *0,25* |
| **2**  **(2,0 điểm)** | **Vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện sản lượng thuỷ sản khai thác và nuôi trồng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm. Nêu nhận xét.** | |
| **\* Vẽ biểu đồ:**  - Vẽ biểu đồ cột chồng giá trị tuyệt đối.  - Yêu cầu:  + Đủ các nội dung: tên biểu đồ, đơn vị ở trục, kí hiệu-chú thích;  + Chia đúng về sản lượng thuỷ sản khai thác và nuôi trồng, khoảng cách năm;  + Ghi đủ số liệu ở cột;  + Tính thẩm mỹ;  + Vẽ bút mực, không được sử dụng bút khác màu để làm kí hiệu (có thể dùng bút chì để làm kí hiệu cột).  *(Thiếu mỗi nội dung trong kĩ năng vẽ biểu đồ trừ 0,25 điểm.)* | *1,5* |
| **\* Nhận xét:** Từ năm 2005 đến 2017:  - Sản lượng thuỷ sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.  - Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng tăng nhanh, sản lượng thuỷ sản khai thác tăng chậm. | *0,25*  *0,25* |

\* *Học sinh có thể diễn đạt theo các cách khác nhau nhưng có ý đúng thì chấm theo điểm tối đa của mỗi ý.*

- HẾT -